

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THNH PHỐ ĐBP
TỈNH ĐB**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2019/HSST**

Ngày: 17/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ ĐBP, TỈNH ĐB**

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **H Thị Tám**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Quang Lực**

Bà **Cao Thị Đại**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thương Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tHnh phố Đbp, tỉnh Đb.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Đbp, tỉnh Đb tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hợi** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tHnh phố Đbp, tỉnh Đb đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2019/HSST - HS, ngày 22 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lương Văn L** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 08/4/1977 tại Đb;

Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 26, phường MT, tHnh phố Đbp, tỉnh Đb;

Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hóa: 12/12 phổ thông;

Nghề nghiệp: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Con ông: Lương Đình C (đã chết) và con bà La Thị D – sinh năm 1942

Bị cáo có 05 chị em ruột, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình;

Bị cáo có vợ là Tòng Thị Thu H – sinh năm 1982

Bị cáo có 02 con, con lớn nhất 7 tuổi, con nhỏ nhất 4 tuổi

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2018 đến 23/12/2018; sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan: Bà **Tòng Thị Thu H**; địa chỉ: Tổ dân phố 26, phường MT, tHnh phố Đbp, tỉnh Đb (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về Hnh vi phạm tội của bị cáo:

Hồi 10 giờ 05 phút, ngày 14/12/2018 tổ công tác Công an phường NT, tHnh phố Đbp làm nhiệm vụ tại tổ dân phố 09, phường NT, tHnh phố Đbp, phát hiện Lương Văn L ngồi trên xe máy biển kiểm soát 27H1 - 7460 đang dừng, có

biểu hiện nghi vấn về tội phạm ma túy, tổ công tác đã kiểm tra thu giữ trong túi quần bỏ sau phía bên trái L đang mặc có 02 gói bên trong chứa các cục chất bột màu trắng đục, gói bằng nilon màu xanh được Hn kín. L khai nhận 02 gói chất bột màu trắng đục tổ công tác vừa thu giữ là Heroin cất giấu để sử dụng cho bản thân.

Lương Văn L khai nhận nguồn gốc số ma túy bị thu giữ, L mua của một người đàn ông không quen biết nên không biết tên tuổi địa chỉ vào khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày với giá 100.000 đồng tại đường thuộc bản Noong Ung, xã Thanh An, huyện Đb. Sau đó L cất 02 gói Hêrôin vào túi quần đang mặc, điều khiển xe đi về nH, khi đi đến cây xăng C4, thuộc tổ dân phố 09, phường NT, tHnh phố Đbp, L dừng xe để mua xăng, thì bị Công an phát hiện và bắt giữ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lương Văn L khai nhận: Hồi 10 giờ 05 phút ngày 14/12/2018, tại khu vực tổ dân phố 09, phường NT, tHnh phố Đbp, Lương Văn L đã có Hnh vi cất giấu trái phép trong túi quần đang mặc 0,14 gam Hêrôin, mục đích để sử dụng.

2. Các vấn đề khác:

Tại bản kết luận giám định số 148/GĐ-PC09 ngày 21/12/2018 phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đb kết luận: Mẫu chất bột màu trắng đục gửi giám định là ma túy, loại Hêrôin, khối lượng là 0,14 gam. Hoàn lại 0,079 gam còn lại sau giám định.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đb nêu trên.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 20/CT- VKS-TPĐBP ngày 21/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Đbp truy tố ra trước Toà án nhân dân tHnh phố Đbp để xét xử bị cáo Lương Văn L về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Đbp, tỉnh Đb đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lương Văn L từ **12 đến 15** tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,097 gam Hêrôin còn lại sau khi giám định; 02 mảnh nilon màu xanh.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lương Văn L phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Lương Văn L đã nhận thức được Hnh vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, thừa nhận Hnh vi

phạm tội như bản cáo trạng truy tố là đúng, bị cáo không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo mắc phải căn bệnh thể kỷ HIV giai đoạn cuối nên sức khỏe rất yếu mong muốn cuối đời được vợ con và người thân quan tâm chăm sóc.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tHnh phố Đbp, tỉnh Đb, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Đbp, tỉnh Đb trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về Hình vi, quyết định của cơ quan tiến Hình tố tụng, người tiến Hình tố tụng. Do đó các Hình vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến Hình tố tụng, người tiến Hình tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về Hình vi bị truy tố của bị cáo:

Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt giữ người có Hình vi phạm tội quả tang; kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Hồi 10 giờ 05 phút ngày 14/12/2018, tại khu vực tổ dân phố 09, phường NT, tHnh phố Đbp, Lương Văn L đã có Hình vi cất giấu trái phép trong túi quần đang mặc 0,14 gam Hêrôin, mục đích để sử dụng. Hình vi nêu trên của Lương Văn L có đủ các yếu tố cấu tHnh tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

... c) Hêrôin... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện Hình vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy khẳng định Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lương Văn L về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy rằng:

Qua phần xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa thể hiện nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo phạm tội là do thiếu ý thức rèn luyện bản thân, tu dưỡng phẩm chất đạo đức và thiếu ý thức trong việc chấp Hình các quy định của pháp luật; nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng để phục vụ nhu cầu của bản thân bị cáo đã lao vào con đường phạm tội.

Ngày 14/12/2018 Lương Văn L có Hình vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 14/12/2018 đến ngày 23/12/2018 bị Cơ quan cảnh

sát điều tra Công an tHnh phố Đbp ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can về Hnh vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lương Văn L đã tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải về Hnh vi phạm tội của mình. Hơn nữa bố, mẹ bị cáo được NH nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến và bảo vệ tổ quốc. Vì vậy bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét tính chất và mức độ Hnh vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Đbp, tỉnh Đb tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Căn cứ các quy định của pháp luật và xem xét toàn bộ nội dung của vụ án Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo đang mắc phải căn bệnh thể kỷ HIV giai đoạn cuối. Để cải tạo, giáo dục bị cáo trở tHnh người công dân tốt không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo để cải tạo trong môi trường xã hội bình thường dưới sự giám sát theo dõi, giáo dục của cơ quan tổ chức có thẩm quyền cũng đủ để răn đe giáo dục bị cáo, đồng thời giao bị cáo cho gia đình và C quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo, đó cũng là thể hiện sự khoan hồng của Đảng, pháp luật NH nước ta đối với người phạm tội theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Lương Văn L trước khi bị bắt không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo không có tài sản riêng, không có khả năng thi Hnh. HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 0,079 gam Hêrôin còn lại sau giám định và 02 mảnh nilon màu xanh theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6]. Các vấn đề khác:

Bị cáo khai mua ma túy của người không biết tên, địa chỉ, nên không có cơ sở để làm rõ. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Cơ quan Công an đã tạm giữ của bị cáo 01 xe máy biển kiểm soát 27H1 – 7460, kèm chìa khóa xe; 01 điện thoại Microsoft kèm 01 sim. Qua điều tra xác định xe máy là tài sản riêng của chị Tòng Thị Thu H (vợ bị cáo), chị H không biết bị cáo sử dụng xe máy vào việc phạm tội; 01 điện thoại và 01 sim không liên quan đến Hnh vi phạm tội, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tHnh phố Đbp đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu và người được bị cáo ủy quyền nhận hộ. Hội đồng xét xử xét thấy việc xử lý của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tHnh phố Đbp đã đúng với quy định của pháp luật nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

[7]. Án phí: Bị cáo Lương Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lương Văn L** phạm tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**”.

2. Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lương Văn L 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách **30** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/4/2019). Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo **Lương Văn L** cho UBND phường MT, tHnh phố Đbp, tỉnh Đb giám sát giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường MT, tHnh phố Đbp, tỉnh Đb trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

□p dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo **Lương Văn L** nếu bị cáo không bị giam về tội phạm khác.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú (theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi Hình án hình sự) trong phạm vi huyện, quận, thị xã, tHnh phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi Hình án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi Hình án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

3. Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,079 gam Hêrôin và 02 mảnh nilon màu xanh (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/4/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi Hình án dân sự tHnh phố Đbp, tỉnh Đb).

4. Về án phí: Bị cáo **Lương Văn L** phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

5. Bị cáo và người có quyền L nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/4/2019).

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- CQCSĐT Công an TPĐBP;
- Sở Tư pháp tỉnh Đb;
- L-u hồ sơ vụ án;
- HS Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- VKSND tỉnh ĐB
- L-u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

H Thị Tám

